TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Thiệu Khắc Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Doãn L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn T1, xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn 1, xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam

Nơi tạm trú: Thôn S, xã L1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2024, bản tự khai ngày 17/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Doãn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam). Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường với nhau được một thời gian đến đầu năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng, khó dung hòa. Nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về tính cách nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp và không sống cùng nhau được nữa. Anh đã có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện, không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên, bạn bè và anh em đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Đến tháng 12/2021 chị T đã bỏ về nhà ngoại ở. Sau đó anh có khuyên bảo thì chị T quay về. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 4/2022 chị T đã về nhà ngoại ở từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến anh và 2 con. Nguyện vọng của anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Ngô Thị Mai C, sinh ngày 05/02/2012 và Ngô Thị Ngọc V, sinh ngày 05/5/2014. Hiện nay 2 con đang ở với anh L tại Hà Nội. Anh làm nghề giáo viên dạy nấu ăn tại Hà Nội, mức lương trung bình là 35.000.000đ/tháng nên điều kiện kinh tế của anh ổn định, có đủ thời gian để chăm sóc và giáo dục con. Nguyện vọng của 2 con cũng xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Nên khi ly hôn anh xin được nuôi 2 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với chị Nguyễn Thị T:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị T. Nhưng trong thời hạn quy định chị T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 03 tháng 7 năm 2024, ông Nguyễn Duy Hùng - bố đẻ của chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị Nguyễn Thị T là con gái của ông. Chị T kết hôn với anh Ngô Doãn L, trú tại xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam. Nơi đăng ký thường trú của chị T tại thôn T1, xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Hiện nay chị T đang đăng ký tạm trú tại thôn S, xã L1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị T hiện nay không có mặt tại nơi tạm trú mà đang đi làm trong miền Nam, địa chỉ cụ thể gia đình ông không nắm rõ. Gia đình ông và chị T liên lạc với nhau chủ yếu bằng điện thoại.

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong xây dựng, phát triển kinh tế gia đình, anh L ham chơi dẫn đến nợ nần nhiều. Gia đình ông đã nhiều lần động viên hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh L và chị T vẫn không cải thiện được. Đến năm 2022 chị T về gia đình ông ở. Anh L và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T biết việc anh L làm đơn ly hôn tại Tòa án. Tuy nhiên, do công việc

đi làm xa, chị không về Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án được. Chị T trao đổi lại với ông như sau:

Về hôn nhân: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 2 con chung là Ngô Thị Mai C, sinh ngày 05/02/2012 và Ngô Thị Ngọc V, sinh ngày 05/5/2014. Hiện nay 2 con đang ở với anh L. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con thì chị T cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không có tài sản chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía gia đình ông: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, anh chị sống ly thân đã hơn 2 năm nay, mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau. Nay anh L xin ly hôn chị T thì gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao 2 con chung cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh L có điều kiện chăm sóc, nuôi con tốt.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho chị T biết và giao ngay lại khi chị T về nhà.

* *Tại phiên tòa*: Anh Ngô Doãn L có Đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Anh L xin được nuôi 2 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không

có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Anh L và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã X, thành phố P, tỉnh Hà Nam) vào ngày 13/3/2011, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho anh L được ly hôn chị T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu là Ngô Thị Mai C, sinh ngày 05/02/2012 và Ngô Thị Ngọc V, sinh ngày 05/5/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Anh L và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đăng ký tạm trú tại thôn S, xã L1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên anh Ngô Doãn L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Ngô Doãn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa anh Ngô Doãn L và chị Nguyễn Thị T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực

trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị T. Về phía chị T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt, không có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Ngô Thị Mai C, sinh ngày 05/02/2012 và Ngô Thị Ngọc V, sinh ngày 05/5/2014. Hiện nay 2 con đang ở với anh L tại Hà Nội. Khi ly hôn anh L xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung. Cháu Ngô Thị Mai C và Ngô Thị Ngọc V cũng có nguyện vọng xin được với bố. Anh L làm giáo viên dạy nấu ăn tại Hà Nội, có mức lương trung bình là 35.000.000đ/tháng, đảm bảo điều kiện nuôi 2 con. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của 2 cháu, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ cần giao 2 con cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, anh Ngô Doãn L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là Ngô Thị Mai C, sinh ngày

05/02/2012 và Ngô Thị Ngọc V, sinh ngày 05/5/2014 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 2 con.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Doãn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0003001 ngày 12/4/2024. Chấp nhận anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh L và chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã X;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà